

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **68/2021/DS-PT.**

Ngày: 07/5/2021.

V/v “*Kiện đòi tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Hương

*Các thẩm phán:* Bà Lê Thị Thanh Huyền và ông Doãn Đình Quyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLPT-DS ngày 21/01/2021 về việc: “*Kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐPT- DS ngày 21/3/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Đặng Vũ D, sinh năm 1968 và bà Dương Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/9/2020, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 12/12/2015, ông D, bà N có vay của bà L số tiền 80.000.000 đồng hẹn 01 năm sau trả, mục đích vay để làm ăn buôn bán, khi vay không thể chấp tài sản gì. Giấy vay tiền ngày 12/12/2015 do nguyên đơn cung cấp là chữ ký chữ viết của bị đơn, lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ tháng.

Sau khi tổ chức đám cưới cho con gái bị đơn (là cháu Đặng Thị Mỹ D1) xong, nguyên đơn không nhớ rõ thời gian nào, bà N đã sang nhà trả cho nguyên đơn

20.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận là chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án. Trước đây nguyên đơn khai năm 2016 là không nhớ chính xác. Năm 2019 (không nhớ rõ ngày), sau khi bán tiêu xong bà N đã trả 35.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó không nhớ rõ ngày nào nguyên đơn sang nhà bị đơn lấy thêm 500.000 đồng, trừ vào tiền gốc. Cả hai lần trả nợ sau đều không viết giấy tờ gì.

Tính đến hiện nay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 55.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 24.500.000 đồng, còn lãi suất bị đơn đã trả đến năm 2017 (không viết biên nhận). Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 24.500.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

**\* Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N trình bày:**

Nội dung vay tiền như nguyên đơn trình bày là đúng, lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng nhưng trong giấy vay ghi “150.000 đồng” là do bị đơn nhầm lẫn. Hàng tháng, bị đơn đều trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn là 1.200.000 đồng/ tháng đến khi trả hết nợ gốc vào tháng 3/2019 nhưng vì tin tưởng nên không lập giấy tờ, cũng không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Còn nợ gốc, bị đơn đã trả thành các lần:

- Ngày 21/02 (âm lịch) nhằm ngày 06/4 (dương lịch) không nhớ năm nào nhưng là trước năm tổ chức đám cưới cho con gái bị đơn là chị Đặng Thị Mỹ D1, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền gốc, bị đơn viết giấy trả và giao cho nguyên đơn giữ, còn nợ lại 60.000.000 đồng.

- Ngày 16/12/2018 (âm lịch), sau khi đám cưới chị D1 xong, bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền gốc, không lập giấy tờ gì.

- Tháng 3/2019 (không nhớ ngày cụ thể) bị đơn trả tiếp 35.000.000 đồng tiền gốc, cũng không lập giấy tờ biên nhận.

- Số tiền 5.000.000 đồng còn lại bị đơn trả thành nhiều lần cho nguyên đơn, mỗi lần từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng để nguyên đơn lo công chuyện, bị đơn không nhớ cụ thể thời gian, không viết giấy tờ.

Hiện tại bị đơn không còn nợ nguyên đơn khoản tiền gốc và lãi nào nữa nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DSST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 24.500.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2020, nguyên đơn ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì ngày 21/02/2018 (AL), tức là ngày 06/4/2018 (DL), bị đơn có trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn cùng xác định, sau khi bị đơn tổ chức làm đám cưới cho con gái, bị đơn có trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng. Các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp thể hiện con gái bị đơn được tổ chức cưới vào ngày 13/01/2019 (DL), tức là ngày 08/12/2018 (AL). Do đó, có căn cứ chấp nhận bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn 20.000.000 đồng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng còn lại, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn trả 500.000 đồng, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã phân tích.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị N và ông Đặng Vũ D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Vào ngày 12/12/2015, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, hạn 01 năm sau trả, lãi suất thỏa thuận là 15.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng.

Nguyên đơn cho rằng: bị đơn đã trả cho nguyên đơn 03 lần; trong đó chỉ nhớ lần 1 được bị đơn trả vào thời điểm sau khi bị đơn tổ chức cưới cho con gái (chị D1), đây là lần có lập giấy trả nợ ghi ngày 21/02 (AL) mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án. Lần 2 trả 35.000.000 đồng và lần 3 trả 500.000đ, hai lần trả nợ sau không

viết giấy biên nhận.

Bị đơn cho rằng: Số tiền 20.000.000đ mà bị đơn trả cho nguyên đơn vào ngày 21/02 (âm lịch) nhằm ngày 06/4 (dương lịch) và có viết giấy biên nhận là do bị đơn trả vào năm 2018, trước thời điểm tổ chức đám cưới cho con gái của bị đơn là chị Đặng Thị Mỹ D1. Sau khi tổ chức cưới cho chị D1, vào ngày 16/12/2018 (âm lịch), bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền gốc và không lập giấy tờ gì. Tháng 3/2019 (không nhớ ngày cụ thể) bị đơn trả tiếp 35.000.000 đồng tiền gốc, cũng không lập giấy tờ biên nhận. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại bị đơn trả thành nhiều lần cho nguyên đơn, mỗi lần từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, bị đơn không nhớ cụ thể thời gian, không viết giấy biên nhận.

Qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về số tiền đã trả thì nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 35.500.000đ (một lần trả 35.000.000đ, và một lần trả 500.000đ) nhưng không viết giấy biên nhận.

Đối với các lần trả nợ khác, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu đã thu thập được thì đám cưới của chị Đặng Thị Mỹ D1 (con gái của bị đơn) được tổ chức vào ngày 11/01/2019 dương lịch (là ngày 06/12/2018 âm lịch). Giấy biên nhận trả tiền mà nguyên đơn cung cấp mặc dù không ghi năm, nhưng với thông tin ghi trên giấy biên nhận “ngày 06/4 dương lịch/ ngày 21/02 âm lịch”, thì có căn cứ khẳng định ngày 06/4 dương lịch trùng ngày 21/02 âm lịch là thời điểm của năm 2018, vì ngày 06/4 dương lịch của năm 2019 là ngày 02/3 âm lịch. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 20.000.000đ mà bị đơn trả cho nguyên đơn theo giấy biên nhận trả tiền mà nguyên đơn cung cấp được trả vào năm 2018, trả trước khi bị đơn tổ chức làm đám cưới cho chị Đặng Thị Mỹ D1, phù hợp với lời khai của bị đơn và lời khai ban đầu của nguyên đơn xác định khoản vay này được trả vào khoảng năm 2016.

Do nguyên đơn và bị đơn đều xác định, sau khi bị đơn tổ chức cưới cho chị Duyên thì bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ, và trên thực tế, bị đơn đã hai lần trả tiền cho nguyên đơn mà không có giấy biên nhận như trên, nên có căn cứ khẳng định ngoài số tiền 20.000.000đ mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào ngày 06/4/2018 dương lịch (theo giấy biên nhận mà nguyên đơn cung cấp), thì sau ngày 11/01/2019, bị đơn có trả thêm cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà ông D, bà N đã trả cho bà L là: 20.000.000 đồng (theo giấy trả tiền lập ngày 06/4/2018) + 35.000.000 đồng (bà L thừa nhận) + 500.000 đồng (bà L thừa nhận) + 20.000.000 đồng (trả sau ngày 11/01/2019) = 75.500.000 đồng.

Bị đơn khai đã trả hết tiền vay cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh

nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo hướng buộc ông D, bà N trả cho bà L số tiền 4.500.000đ.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính toán lại theo đúng quy định. Ông D, bà N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bà L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L là người già nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị N và ông Đặng Vũ D. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DSST ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng các điều 471, 474 của BLDS năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Dương Thị N và ông Đặng Vũ D liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo giấy vay tiền lập ngày 12/12/2015. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Dương Thị N và ông Đặng Vũ D trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.*

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Bà trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L. Hoàn trả cho bà L số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0011002 ngày 28/9/2020.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Vũ D và bà Dương Thị N mỗi người 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0017495 và số AA/2019/0017494 cùng ngày 08/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lưu Thị Thu Hường**